TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 12 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sơ P, sinh năm 1990 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Thạch M, sinh năm 1994 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị Sô P trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Thạch M tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh M sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh M có với nhau 02 người con chung tên Thạch Thị Minh H1, sinh ngày 11/7/2011 và Thạch Minh H2, sinh ngày 11/3/2014 hiện sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H1 và cháu H2 phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Thạch M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Thạch M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Thạch Thị Sô P và anh Thạch M là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Chị P và anh M có thời gian sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị P. Căn cứ vào lời trình bày của chị P và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị P và anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị P và anh M.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Chị P và anh M có với nhau 02 người con chung tên Thạch Thị Minh H1, sinh ngày 11/7/2011 và Thạch Minh H2, sinh ngày 11/3/2014. Xét từ thời điểm chị P, anh M sống ly thân cho đến nay, cháu H1 và cháu H2 đều do chị P nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu H1 là muốn được sống với chị P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu H1 và cháu H2 cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận ý kiến của chị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con, anh Minh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do chị P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị P phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn. Nhưng xét chị P là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp 300.000 đồng tiền án phí cho chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị Sô P và anh Thạch M.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Thạch Thị Minh H1, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2011 và cháu Thạch Minh H2, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2014 cho chị Thạch Thị Sô P được trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của cháu H1.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Thạch Thị Sô P không yêu cầu anh Thạch M phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Thạch M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho chị Thạch Thị Sô P không phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí giải quyết ly hôn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Thạch Thị Sô P là nguyên đơn. Vắng mặt anh Thạch M là bị đơn. Báo cho chị P có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh M vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân